CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cao su Phước Hòa

Ngày 30/06/2025	61,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	23.0%	**-1.3%**	**15.9%**

DT thuần
Q2/25
368
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 57.0| 18.3%
YoY: ▲ 96.0| 35.3%

LN thuần
Q2/25
116
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.00| 2.9%
YoY: ▲ 36.5| 46.3%

LN sau thuế
Q2/25
94.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.30| -8.1%
YoY: ▲ 24.4| 34.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
32.9%
YoY: +/-▼ 3.8%

ROE (TTM)
Q2/25
13.0%
YoY: +/-▲ 0.6%

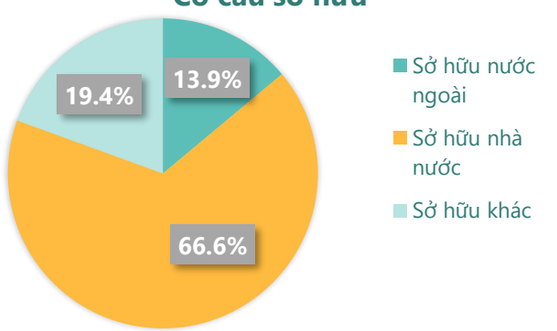
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	39,877 - 66,381
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,265
Số lượng CPLH (CP)	135,499,198
KLGD BQ 20 phiên (CP)	731,910
Sở hữu nước ngoài	13.9%
Beta	1.13
EPS	3,825
P/E	15.9

DT thuần
6T 2025
679
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 84.0| 14.1%

LN thuần
6T 2025
229
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 59.0| 35.3%

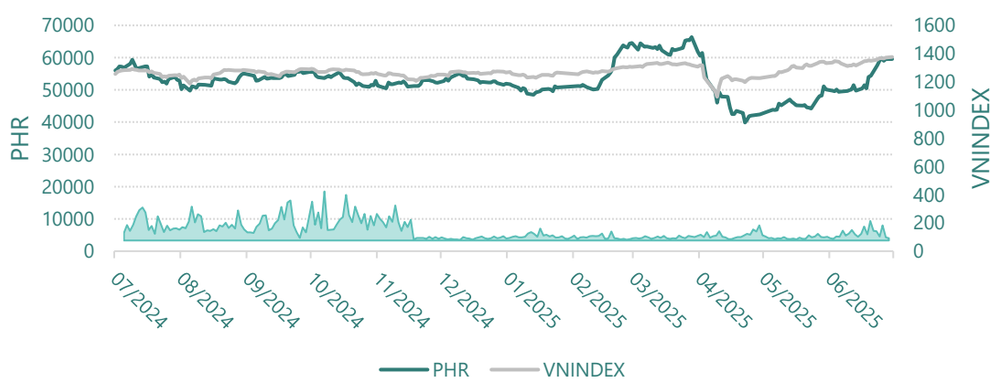
LN sau thuế
6T 2025
197
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 48.0| 32.7%

Cơ cấu sở hữu

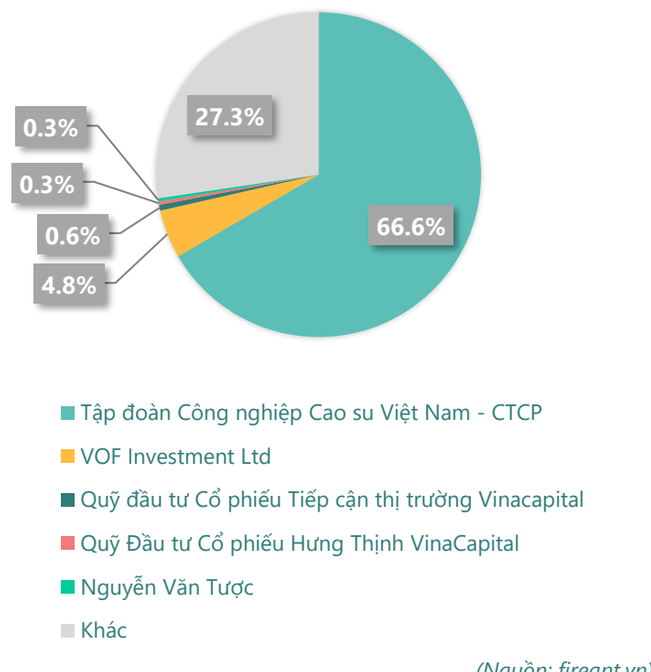


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



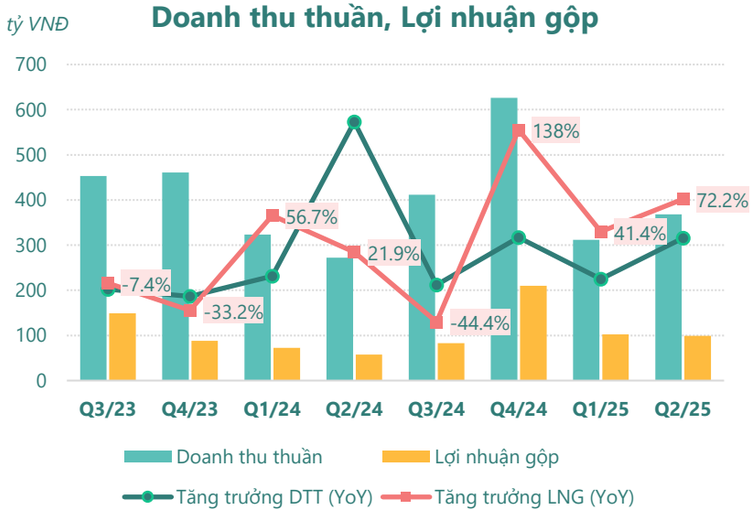
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

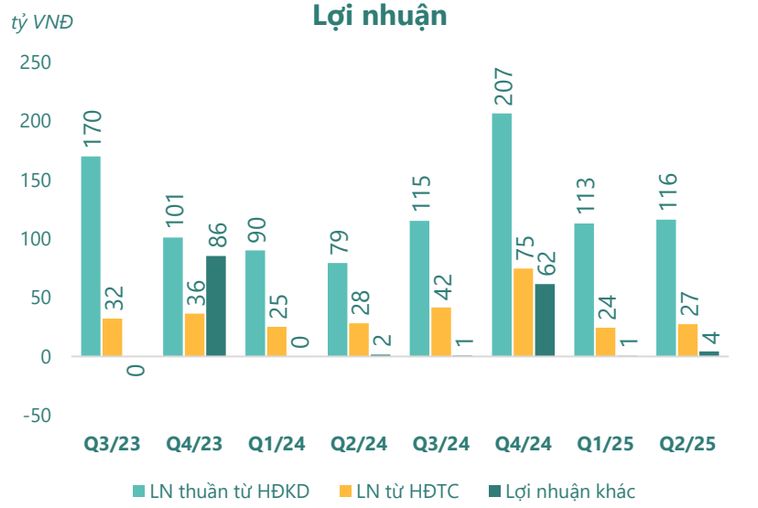
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



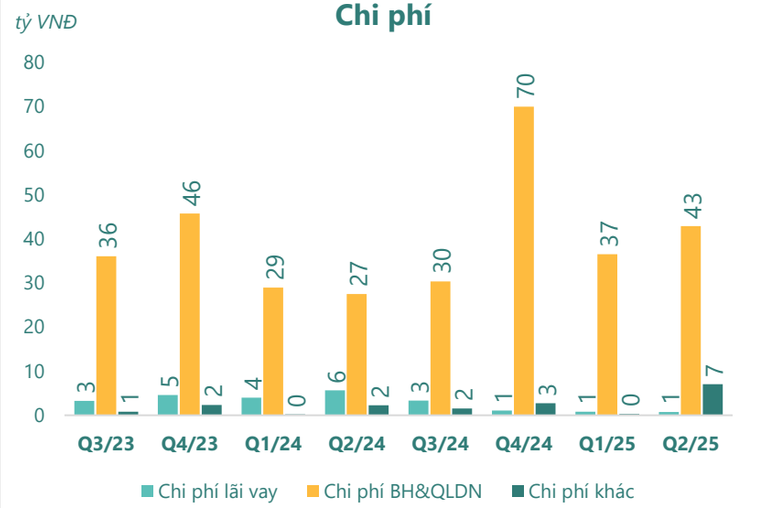
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



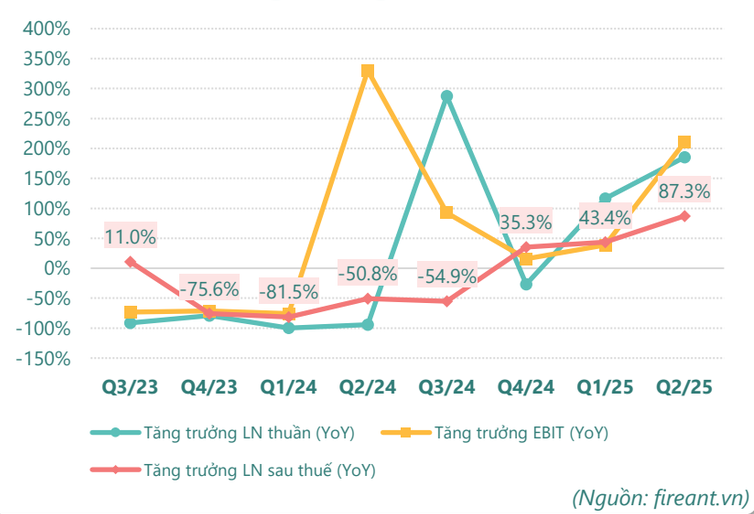
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



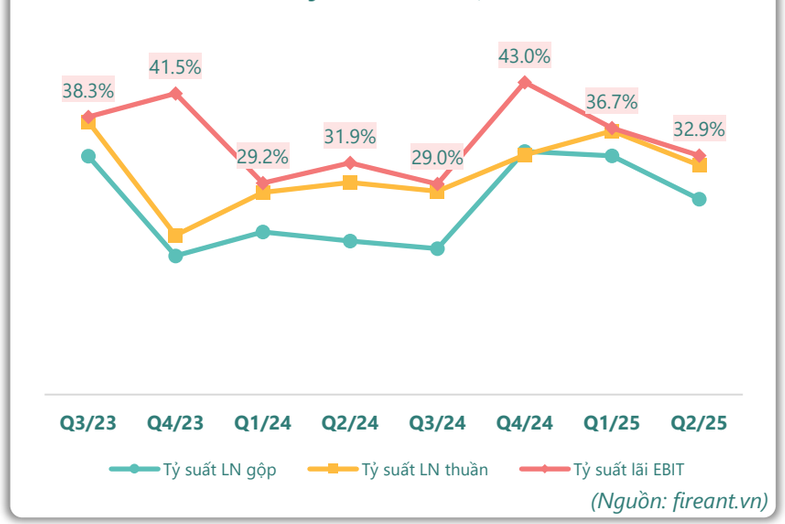
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



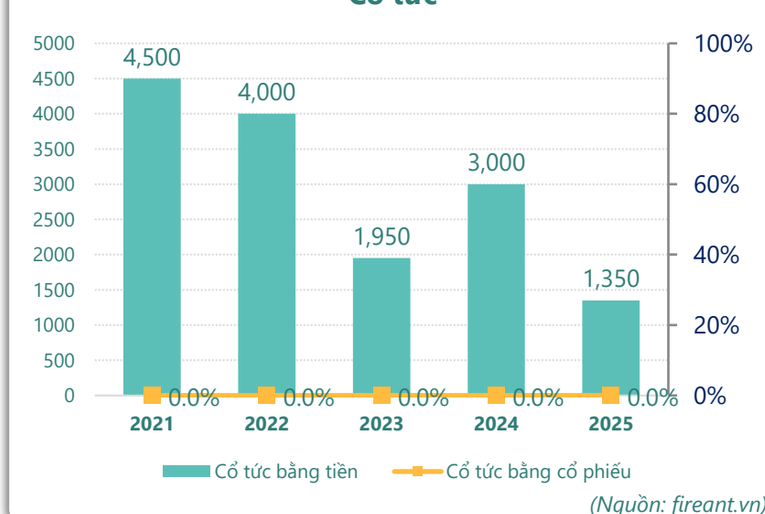
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

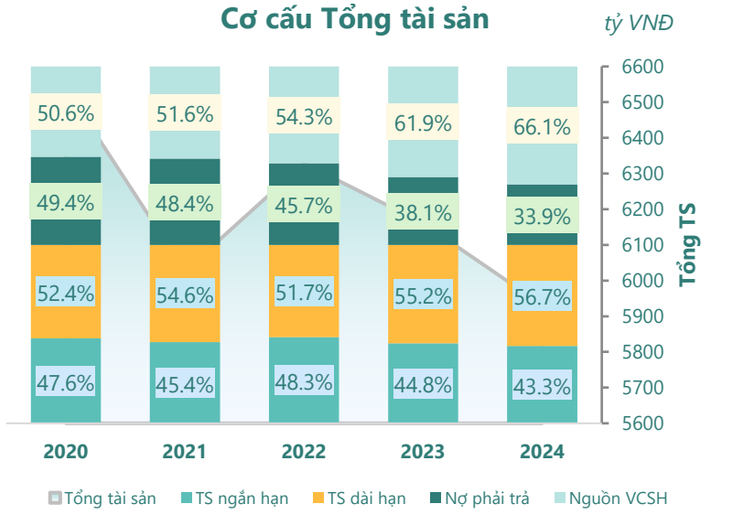
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

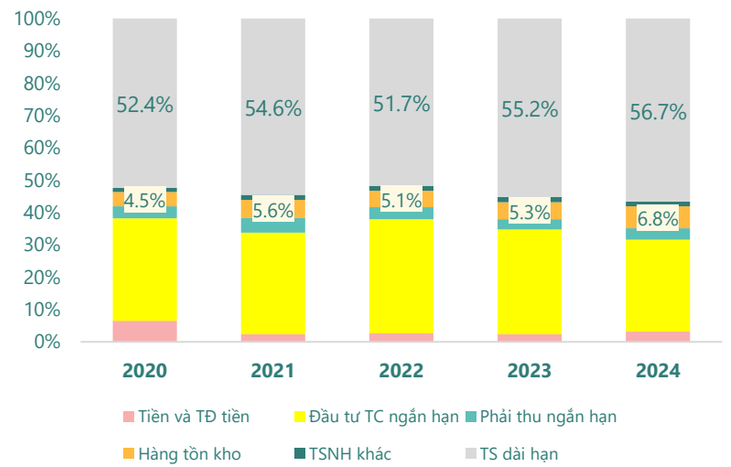
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



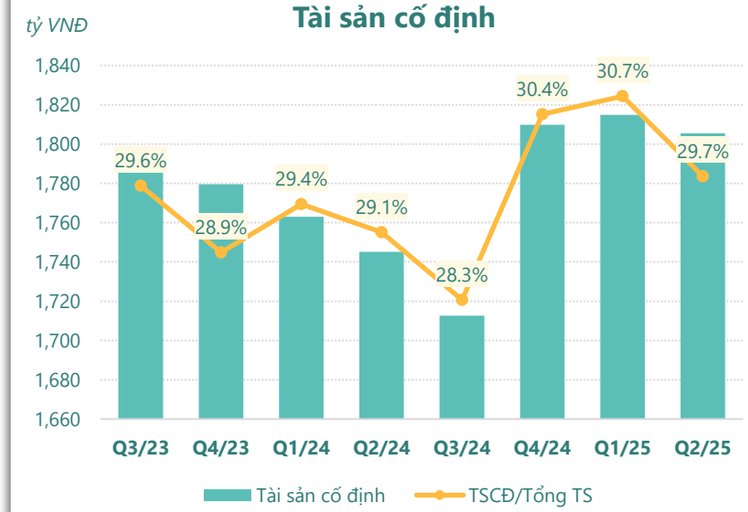
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



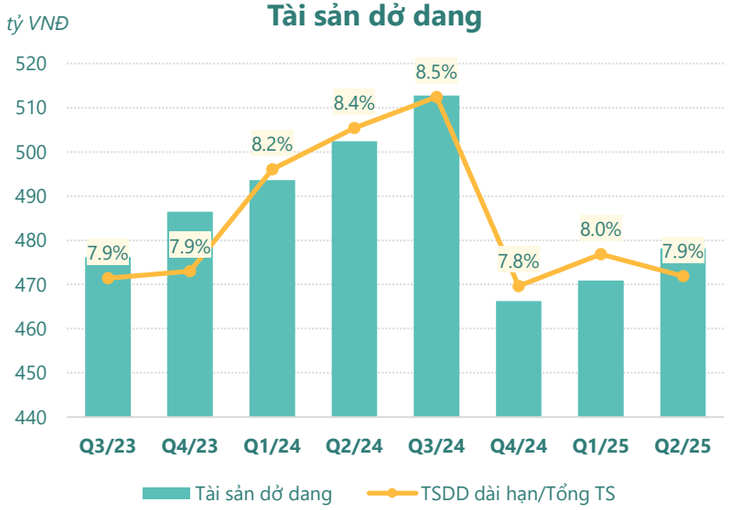
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



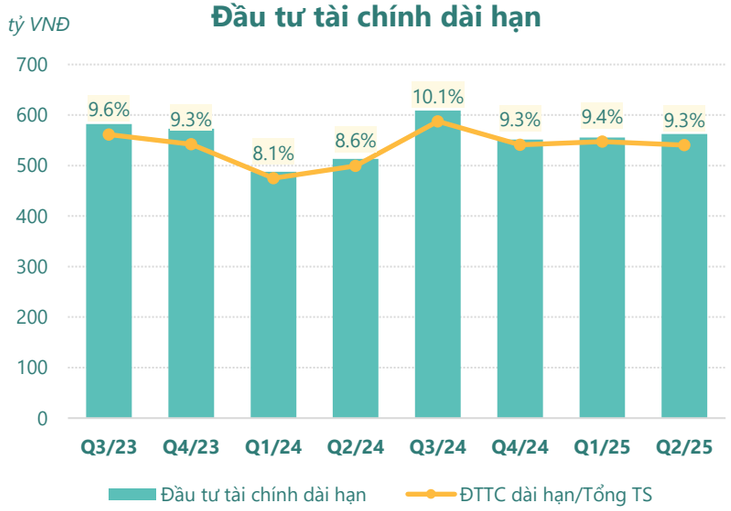
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



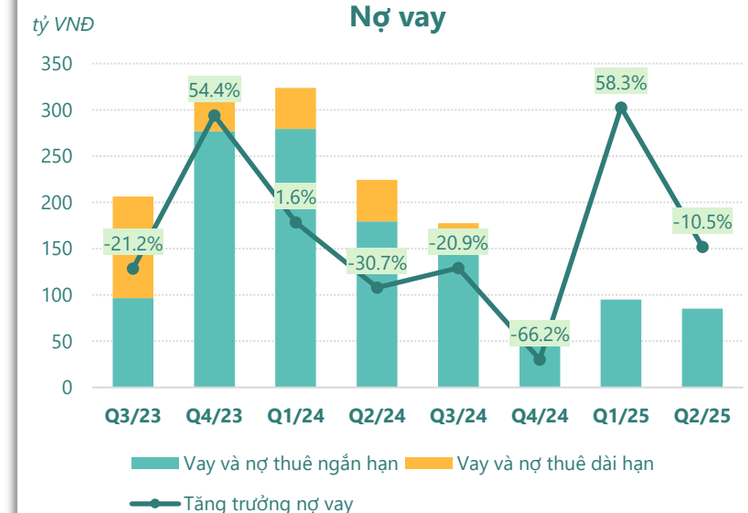
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

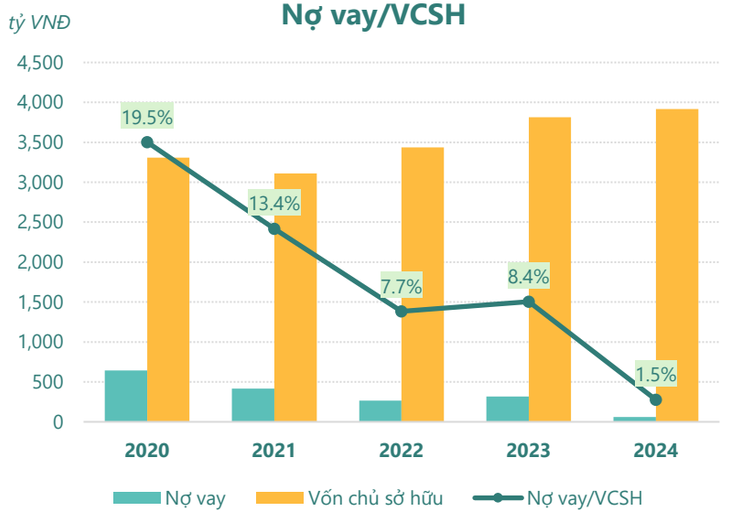
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

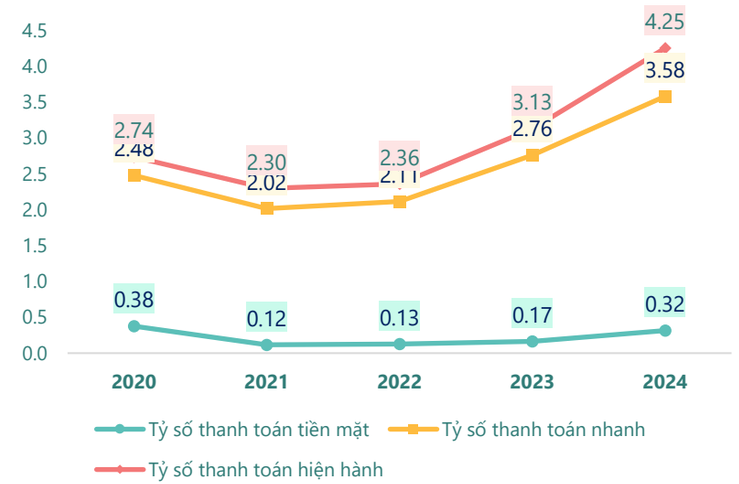
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



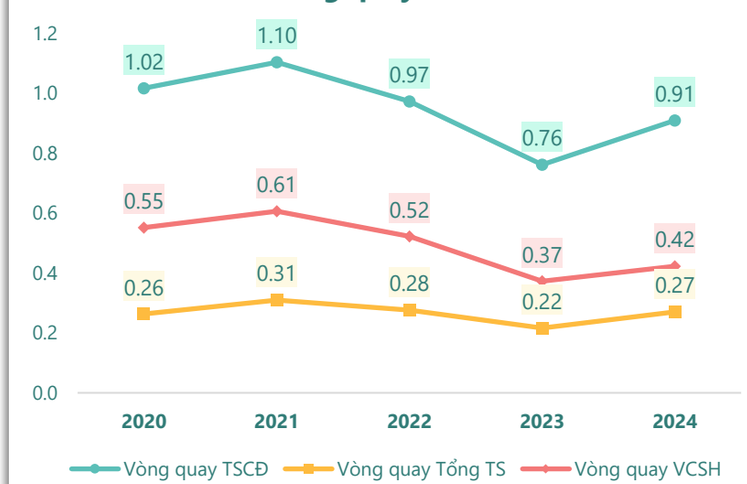
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



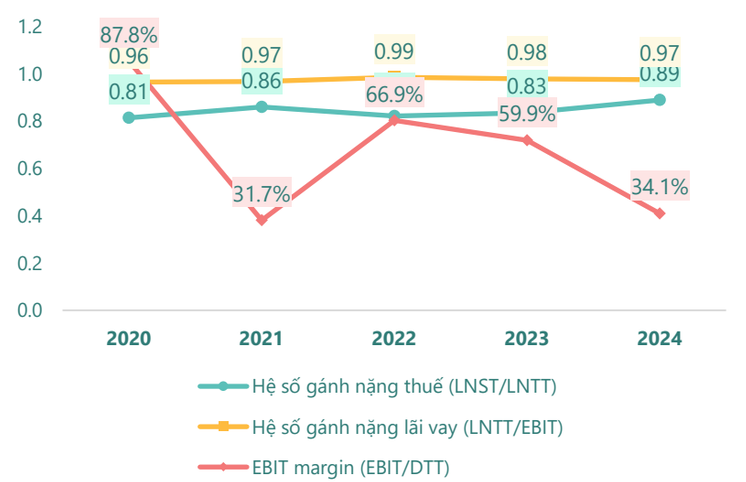
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



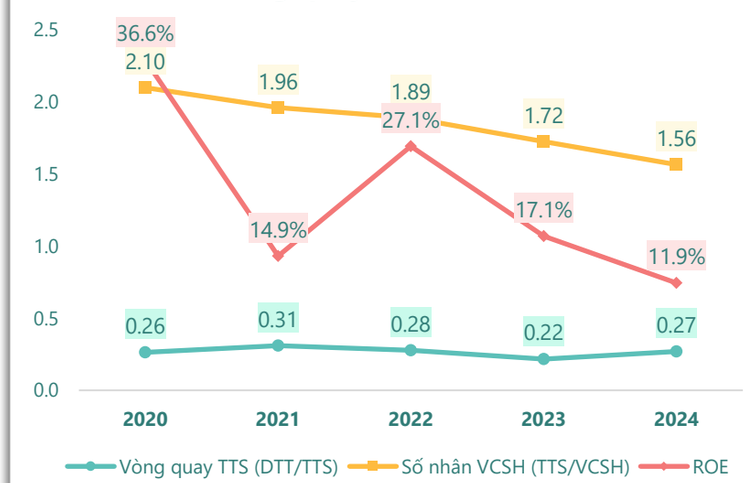
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



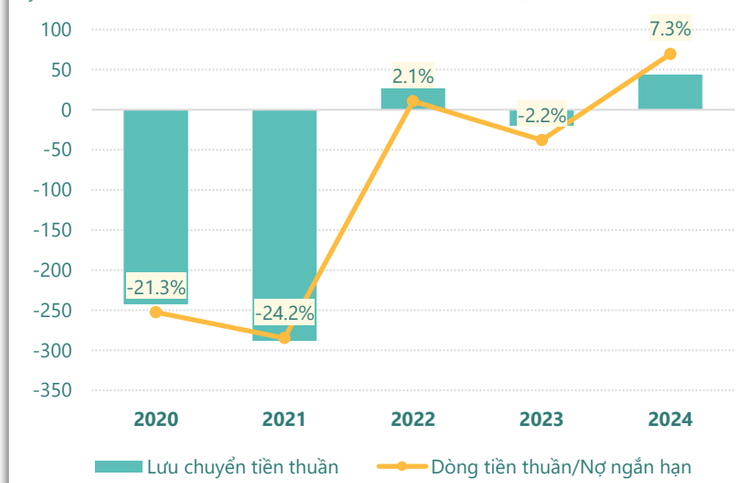
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**368**	**272**	**35.3%**	**679**	**595**	**14.1%**
Giá vốn hàng bán	269	214	25.6%	478	465	2.7%
Lợi nhuận gộp	99.1	57.5	72.3%	202	130	55.0%
Doanh thu HĐTC	28.6	34.9	-18.1%	55.3	64.4	-14.2%
Chi phí TC	1.21	6.79	-82.2%	3.50	11.2	-68.8%
Chi phí lãi vay	0.71	5.65	-87.4%	1.54	9.66	-84.1%
LN trong công ty LKLD	**32.7**	**21.3**	**53.7%**	**55.5**	**42.8**	**29.6%**
Chi phí bán hàng	6.25	4.82	29.7%	12.8	13.1	-2.6%
Chi phí QLDN	**36.7**	**22.7**	**61.5%**	**66.7**	**43.3**	**53.9%**
LN thuần từ HĐKD	116	79.5	46.3%	229	170	35.3%
Lợi nhuận khác	**4.22**	**1.68**	**151%**	**4.73**	**1.84**	**157%**
LN trước thuế	120	81.1	48.6%	234	171	36.6%
Lợi nhuận sau thuế	**94.7**	**70.3**	**34.7%**	**197**	**149**	**32.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**91.0**	**64.6**	**40.8%**	**187**	**138**	**35.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.03	49.5	40.7	151	35.7	56.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	120	-1.39	94.5	304	44.5	29.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-127	-102	-46.1	-429	-70.8	-11.3
Tiền đầu kỳ	146	130	75.9	165	190	200
Lưu chuyển tiền thuần	**-16.1**	**-54.0**	**89.1**	**25.1**	**9.32**	**73.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.13	0.29	-0.32	0.69	-0.02	1.19
Tiền cuối kỳ	130	75.9	165	190	200	275

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,070**	**5,932**	**2.3%**
Tài sản ngắn hạn	2,693	2,570	4.8%
Tiền và tương đương tiền	275	190	44.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,651	1,683	-1.9%
Phải thu ngắn hạn	174	208	-16.5%
Hàng tồn kho	477	406	17.5%
Tài sản ngắn hạn khác	117	83.0	40.4%
Tài sản dài hạn	**3,376**	**3,361**	**0.4%**
Phải thu dài hạn	0.25	0.24	4.7%
Tài sản cố định	1,805	1,810	-0.2%
Bất động sản đầu tư	164	171	-4.3%
Tài sản dở dang	478	466	2.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	562	543	3.6%
Tài sản dài hạn khác	**366**	**372**	**-1.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,067	2,013	2.7%
Nợ ngắn hạn	**687**	**604**	**13.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	85.0	60.0	41.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	46.0	46.4	-0.8%
Nợ dài hạn	1,381	1,408	-2.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,002**	**3,919**	**2.1%**
Vốn chủ sở hữu	**3,999**	**3,918**	**2.1%**
Vốn điều lệ	1,355	1,355	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**2.60**	**0.69**	**276%**

(Nguồn: fireant.vn)